

Tản mạn về tiết mục Quan-chức trong *Lịch-triều Hiến-chương Loại-chí*

Khi còn nhỏ, chúng tôi được đọc truyện về các vua Hùng, và một trong những truyện mà chúng tôi thích đó là Sơn-tinh và Thủy-tinh. Người con gái đẹp trung tâm điểm trong chuyện này là “My-nương”. Chúng tôi cứ tưởng rằng “My-nương” là tên riêng của cô thiếu nữ con vua Hùng thứ 18. Mãi đến khi được đọc Đại-Việt Sử-ký Toàn-thư, mới vỡ lẽ rằng *con trai vua Hùng gọi là quan-lang, và con gái vua gọi là mị-nương. Quan-lang* là chữ gọi về đời các vua Hùng, có ý nghĩa như hoàng-tử đời Lý đời Trần, và *mị-nương* có nghĩa như là công-chúa các đời Lý Trần về sau này.

Chẳng hạn khi viết về Tiết-Liêu, người con trai vua Hùng đã nghĩ ra cách làm món bánh chưng bánh dày tượng trưng cho Đất và Trời để dâng cúng tổ tiên, thì chúng ta nên nói là *quan-lang* Tiết-Liêu chứ đừng gọi là hoàng-tử Tiết-Liêu. Vì trong lịch sử Việt-Nam, chữ hoàng-tử, công-chúa chỉ xuất hiện vào đời Lý.

Thế hệ chúng tôi đã biết đến danh học giả Vương Hồng Sển, nhà khảo cổ có tiếng của Nam Việt-Nam, hậu bán thế kỷ thứ 20. Ông để lại nhiều tác phẩm hồi ký đọc rất thích thú. Khi đọc những trang chuyện của ông thì đôi khi chúng ta phải dừng lại vì những chức tước địa vị quan chức của những nhân vật thời đó. Thí dụ như tri phủ, ông phán, đốc phủ sứ, tham biện, ông chánh, v.v...

Những sách của tác giả Đoàn Thêm như quyển *Nhà Quê Ra Tỉnh* cho chúng ta hiểu biết thêm về xã hội của thế kỷ thứ 20 nhưng cũng đã khiến chúng tôi phải nhiều lần thắc mắc với những chức vị như tham tá, tuần phủ, tri huyện, chánh tổng, lý trưởng, v.v...

Nếu đọc sách truyện cổ như *Hoàng Lê Nhất-thống chí* (cuối thế kỷ thứ 18), có lẽ chúng ta còn phải dừng lại và thắc mắc ở nhiều chức vị của thời xưa hơn nữa.

Chúng tôi tình cờ một lần đọc một nhà văn được nhiều người biết đến, có lần nói rằng muốn viết một câu chuyện cho đúng với thời đại mà câu chuyện xảy ra, ông phải tìm hiểu về quan-chức của thời đại đó để viết cho giống như sự việc xảy ra thật. Thời đại mà ông viết cũng chỉ mới cách đây độ 10, 20 năm thôi, thế mà ông cũng phải khổ công đọc bao nhiêu sách báo để tìm hiểu cho ra.

Đó là lý do tại sao hôm nay chúng tôi muốn giới thiệu đến quý vị quyển **Quan-chức chí**, một tập trong bộ *Lịch-triều Hiến-chương Loại-chí* của tác giả Phan Huy Chú.

Bộ *Lịch-triều Hiến-chương loại-chí* của tác giả Phan Huy Chú là một bộ sách được viết và soạn cách đây 200 năm.

Bộ *Lịch-triều Hiến-chương Loại-chí* của tác giả Phan Huy Chú đã được Giáo Sư Dương Quảng-Hàm khen ngợi là “*một bộ sách quý có giá trị đặc biệt để kê-cứu về văn-hóa nước ta*”. Ngay cả học giả Phạm Quỳnh cũng nói rằng đã là người Việt thì không thể nào không biết đến bộ *Lịch-triều Hiến-chương Loại-chí* với “*cái công khảo-cứu tinh-vi và phê-bình xác-đáng*” để “*biên-tập thành một bộ sách bách-khoa xếp đặt rất khéo*”.

Trong phần tựa của tiết mục Quan-chức, tác giả Phan Huy Chú cho biết ông “tìm kiếm trong sử sách, liệt rõ chức vụ và danh hiệu các quan”, tước âm và lương bổng các quan để đời sau hiểu rõ việc dùng người làm quan, cách đối đãi với bề tôi trong mỗi triều đại như thế nào.

- Đời nhà Đinh, việc đặt ra giai phẩm các quan văn võ tương đối giản dị. Tuy nhiên, có đặt ra giai phẩm cho các tăng và các đạo sĩ, có các danh hiệu như đại sư, tăng lục đạo sĩ, v.v...
- Đời Lý, đặt thêm nhiều quan tước và danh hiệu. Có ba chức thái là thái-sư, thái-phó, thái-bảo, ba chức thiếu là thiếu-sư, thiếu-phó, thiếu-bảo. Có chức thái-úy và thiếu-úy.

- nhận xét: chức *thiếu-úy* đời nhà Lý là một chức vụ trong triều đình, chức *thiếu-úy* thế kỷ thứ 20 là một chức vụ trong quân đội.
- nhận xét: *hành-khiển* với danh hiệu *nhập nội hành-khiển đồng trung-thư môn hạ bình-chương*, chức hàm này rất quan trọng vì đó là chức quan giữ then chốt về chính sự.
- Đời nhà Trần, đặt thêm nhiều chức và phẩm cấp các quan văn võ và tưng quan theo bậc khác nhau.

Tùy theo nhu cầu phức tạp của đất nước lúc ấy, lại đặt thêm quan chức để trông coi công việc. Thí dụ nhà Trần đặt đồn-điền sứ và phó sứ để trông coi việc ở ty Khuyến-nông, tức là khuyến khích việc trồng trọt; đặt thủy-lộ đề-hình và Tào ty chuyên-vận sứ để lo việc vận chuyển đường thủy và đường bộ.

Vào thời điểm này dân chúng đông đúc hơn, nhà Trần đặt thêm quan chức để xem xét việc hộ tịch, đóng tiền thóc và ngục tụng, việc giáo dục.

Đời Trần, có các chức Thái (3) và Thiếu (3), thái-úy, thiếu-úy, tư-đồ, tư-mã, tư-không là những chức trọng của các đại thần văn võ.

Chức tể-tướng thì thêm danh hiệu tả hữu tướng-quốc bình-chương-sự; người phụ tá hay thứ -tướng thêm danh hiệu tham-tri chính-sự, nhập-nội hành-khiển, hoặc thêm tả-phù hữu bật, tham dự triều chính.

Có những chức như ngự-sứ đài thị ngự-sứ, ngự-sứ đại-phu, hàn-lâm học-sĩ phụng-chỉ, hàn-lâm viện học-sĩ, v.v...

Có đặt thêm các viện như Khu-mật-viện, Hàn-lâm-viện, Thẩm-hình-viện, Quốc-sử-viện, Quốc-tử-giám, Thái-y-viện, Thái-chức-ty.

Các quan chức coi việc binh ở trong và ở ngoài.

- Thí dụ: Lê Quý Ly, khi được vua Trần Nghệ-tông tin dùng, phong cho chức Khu-mật đại-sứ. Xem trong mục Quan-chức chí, thấy Khu-mật-viện lập ra từ đời nhà Trần. Như vậy chức Khu-mật đại-sứ của Lê Quý Ly là một quan chức của Khu-mật-viện, chứ không nên thấy hai chữ đại-sứ lại tưởng đâu là Lê Quý Ly làm công việc ngoại giao như đại-sứ ngày nay.
- Tác giả Phan Huy Chú còn nói về nhiệm vụ của quan Khu-mật. Đây là chức quan coi việc dân, có tả-sứ, hữu-sứ. Khi đọc đến Khu-mật-sứ thì chúng ta đừng lầm với Khu Trù-mật - có ý nghĩa khác - thời Đệ-nhất Cộng-hòa, thế kỷ thứ 20.

- Đời nhà Lê, sau khi bình định giặc Minh, đặt thêm nhiều chức vụ mới. Có nhiều chức vụ lúc trước như tư-đồ, tư-không, tư-mã nay thêm chữ đại. Thí dụ đại-tư-không, đại-tư-mã.

Quan các bộ gọi là Lễ-bộ thượng-thư, Lại-bộ thượng-thư như Lại-bộ thượng-thư Nguyễn Trãi, các chức lang-trung, viên-ngoại, v.v...

Các chức quan bên ngoài có thượng-tướng-quân, đại-tướng-quân. Ai dâng mưu kế hợp ý nhà vua thì được đặc cách trao chức *quân-sư*. Như vậy là chữ *quân-sư* đã có từ đời nhà Lê, tức là cách đây 600 năm.

Các quan văn võ đại-thần được vua thân tín, thêm chữ “nhập-nội”, như nhập-nội tư-mã, nhập-nội hành-khiển.

Sau khi dẹp yên quân Minh, nhà vua định các chức tướng-quốc như tả tướng-quốc Trần Hãn, hữu-tướng-quốc Tư-tề.

Chức hành-khiển giữ việc sổ sách và từ tụng của quân dân, người đứng đầu gọi là hành-khiển.

Quan chế đời Hồng-Đức được kể đầy đủ và rõ ràng, chia ra Văn giai và Võ giai.

Chín phẩm của hàng quan văn cũng như hàng quan võ đều liệt kê rõ ràng.

Trong Quan-chức chí, có mục nói về duyên cách đặt tên các chức quan.

Chúng ta nghe nói đến chữ **tể-tướng**. Chức vụ tể-tướng là một chức vụ trông coi xem xét mọi việc trong nước, có thể xem như chức thủ-tướng đời nay. Tể-tướng là chữ gọi nôm na, còn tên chức tước để tôn trọng người ở chức vụ này thường rất dài, tùy theo triều đại mà có tước hiệu khác nhau.

Về đời Lý, vua Thái-tông cho tể-tướng chức phụ-quốc thái-úy, vua Nhân-tông thêm vào các chữ “kiểm hiệu bình chương quân quốc trọng sự”.

Đời Lê, vua Thánh-tông bỏ chức bình-chương quân-quốc trọng-sự. Vua Lê Tương-dực (đầu thế kỷ thứ 16), đặt lại chức bình-chương tướng-quốc, lại gọi là **thừa-tướng**, thượng-tể.

Chúa Trịnh Tùng đặt chức **tham-tụng**, bỏ các tên tả hữu tướng-quốc đời Trần, bình-chương đời Lê.

Khi đọc sách sử thì chúng ta sẽ biết chức vụ tể-tướng của các quan trải qua các triều đại, đời Lý, Trần, Lê, thời vua Lê chúa Trịnh có tên gọi khác nhau để hiểu ai là người được giữ nhiệm vụ quan trọng trong chính sự ở triều đình.

Những quyển sử viết về sau này thường bỏ chức tước của quan hay tướng để cho bớt rườm rà. Cũng vì vậy mà chúng ta không thấy vai trò đúng của những người có trách nhiệm.

Vấn đề quan chức là một vấn đề quan trọng trong việc điều khiển đất nước dù là thời kỳ nào trong lịch sử. Chúng tôi xin lấy một thí dụ như sau:

Trong quân đội ngày nay có cấp bậc cao thấp, đại-tướng là người giữ nhiệm vụ chỉ huy quân đội, người mang lon đại-tướng chắc chắn được vinh dự hơn nhưng cũng có nhiệm vụ lớn hơn người mang cấp bậc đại-tá hay đại-úy. Nhất là đối với những người sống trong xã hội đương thời, chức vụ và cấp bậc bao giờ cũng có địa vị quan trọng. Tuy nhiên nếu không sống cùng thời hoặc không hiểu biết về cấp bậc quan-chức thì đại-tướng hay đại-tá hay đại-úy chỉ là những chữ không có nghĩa gì đối với chúng ta. Thành thử hiểu biết được những chi tiết về quan-chức sẽ giúp chúng ta hiểu hơn khi đọc sách sử.

Bây giờ chúng tôi xin tạm ngưng mục Quan-chức chí để nói về một tác phẩm văn học nổi tiếng Việt-Nam.

Chúng ta ai cũng đã từng nghe hay đọc Truyện Kiều của Nguyễn Du, một tác phẩm bất hủ trong văn học Việt-Nam, xuất hiện vào đầu thế kỷ thứ 19, cũng cùng một khoảng thời gian với bộ *Lịch-triều Hiến-chương loại chí*.

Truyện Kiều lúc đầu có tên tựa truyện là *Đoạn-trường Tân-thanh* do chính tác giả Nguyễn Du đặt ra. Sau đó, khi Phạm Quý Thích đem in thì đổi tên là *Kim-Vân-Kiều Truyện*. Hai ông Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim khi chú giải Truyện Kiều thì đổi tựa là *Truyện Thúy-Kiều*. Thi sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu đổi tựa là *Vương Thúy-Kiều Chú-giải Tân-truyện*.

Học giả Phạm Quỳnh vì bênh vực Truyện Kiều là một áng văn hay trong văn học Việt-Nam mà bị Ngô Đức Kế công kích. Cũng trong buổi diễn thuyết nói về Truyện Kiều mà học giả Phạm Quỳnh đã để lại câu nói danh tiếng: “Truyện Kiều còn, Tiếng ta còn. Tiếng ta còn, Nước Việt còn”.

Truyện Kiều được các nhà văn học Việt-Nam đặc biệt chú ý vì lời thơ dễ diễn đạt tâm lý và nhân vật trong Truyện Kiều thật tài tình khéo léo.

Tuy nhiên Truyện Kiều là một câu chuyện có nhiều điển tích. Nếu chúng ta sống cùng thời với tác giả, chắc chúng ta cũng có thể hiểu tất cả những điển tích dùng trong Truyện Kiều.

Đã hai thế kỷ trôi qua từ khi tác giả Nguyễn Du viết xong *Đoạn-trường Tân-thanh*, cho nên ngày nay chúng ta hiểu được Truyện Kiều không phải dễ.

Do đó có nhiều học giả đã bỏ công phu chú giải Truyện Kiều, như Bùi Khánh Diễm, Nguyễn Văn Vĩnh, Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Vân Hạc, ...

Vậy *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và Quan-chức chí của *Lịch-triều Hiến-chương Loại-chí* có liên hệ gì với nhau vậy ? Chúng tôi sắp nói đến sau đây.

Trong đoạn mở đầu câu chuyện, viết về gia đình Thúy Kiều, tác giả Nguyễn Du đã đặt bút xuống như sau:

*Rằng năm Gia-tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.
Có nhà viên ngoại họ Vương,
Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.
Một trai con thứ rất lòng,
Vương Quan là chữ nói dòng nho gia.
Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.*

Khi đọc đoạn thơ này chúng tôi thấy chữ nào cũng dễ hiểu, chỉ riêng có chữ *viên ngoại* họ Vương làm cho chúng tôi thắc mắc hết sức.

Viên ngoại đây có nghĩa là gì ? Chắc chắn không có liên hệ gì với nghĩa ông ngoại ông nội đâu.

Chúng tôi xem lời chú giải của quý ông Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim thì thấy đề là *trưởng-giả*. *Trưởng-giả* trong Tự-Điển Việt-Nam của Hội Khai-Trí Tiến-Đức, tức là cùng thời với hai ông Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim, *trưởng-giả* có nghĩa là người tầm thường nhưng giàu có. Ông Nguyễn Văn Vĩnh đầu thế kỷ thứ 20 đã từng dịch quyển truyện *Le Bourgeois gentilhomme* của Molière ra là *Trưởng giả học làm sang*.

Như thế thì *trưởng-giả* quả là người có tiền của. Chữ *viên-ngoại*, theo hai ông Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim, là người có tiền của, giàu có.

Nhưng vì câu thơ tiếp theo, cho thấy là gia đình viên ngoại họ Vương chỉ vào bậc trung, khiến cho chúng tôi không cảm thấy hài lòng với lời chú giải *viên ngoại là trưởng-giả*.

*Có nhà viên ngoại họ Vương,
Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.*

Năm 1952, tác giả Vân Hạc chú giải Truyện Kiều, thêm vào một chút ánh sáng, giải thích *viên ngoại* là một chức quan. Theo Vân Hạc, về sau nhiều người chạy chọt để được chức *viên ngoại* nên *viên ngoại* dùng để gọi những người nhà giàu, cùng ý nghĩa với chữ *trưởng giả*, hay là ở nhà quê người ta gọi là cụ Bá chẳng hạn.

Kết luận lại thì những nhà chú giải Truyện Kiều đều cho *viên ngoại* là để chỉ người giàu có.

Nếu tiếp tục đọc truyện Thúy Kiều thì chúng ta thấy là *viên ngoại họ Vương* không giàu có, vì không giàu có nên không có được 300 lạng vàng và Thúy Kiều mới phải bán mình chuộc cha.

Do đó thắc mắc về chữ *viên ngoại* của chúng tôi vẫn còn.

Đến khi đọc Quan-chức chí của Phan Huy Chú, chúng tôi tìm thấy lời giải thích chức *viên-ngoại*.

Theo tác giả Phan Huy Chú, “chức viên ngoại bắt đầu từ đời Lý, thường dùng chức quan ấy sung sứ bộ đi sứ, ... đến đời Lý Thân-tông được dự vào chính sự, danh vị cũng trọng.” Nhà Trần cũng có chức *viên ngoại*. Nhà Lê đặt chức *viên ngoại* vào trong Lục bộ, đến đời Hồng-đức thì đặt *viên ngoại* vào hàng tòng lục phẩm. Thời Lê trung-hung, danh chức thấp hơn, chỉ để trao cho những người tạp lưu trúng trường.

Nhiều người có thể thắc mắc là Truyện Thúy-Kiều Nguyễn Du viết có bối cảnh là ở bên Trung-Hoa, vậy chức *viên ngoại* nếu dựa theo sách sử Việt-Nam thì liệu chức vụ có giống như bên Việt-Nam không ?

Chúng tôi nghĩ là tuy không giống hẳn, nhưng *viên-ngoại* là một chức quan trong triều chứ không phải là để chỉ người giàu có. Tuy nhiên *viên-ngoại* không phải là một chức quan lớn như đại-thần, hay thượng-thư, và về sau, khoảng thế kỷ thứ 19 có thể *viên-ngoại* chỉ còn là một hư vị mà thôi. Người có chức *viên-ngoại* là người có chút học thức, có một chút danh vị và không phải là để chỉ người giàu có.

Hiểu được chữ *viên-ngoại* giúp cho chúng ta hiểu được gia cảnh của gia đình họ Vương, với những người con có học thức, biết văn thơ, âm nhạc, “cầm kỳ thi họa” theo tiêu chuẩn thời đó, nhưng gia đình không giàu có và không quyền thế nên mới gặp phải những tai họa như vậy.

Trong phương diện văn học, hiểu được chữ nghĩa văn chương giúp chúng ta cảm nhận được nhiều hơn, hiểu thấu rõ ràng hơn những gì văn chương có thể đem đến cho chúng ta.

Chúng tôi xin nói tiếp về Quan-chức chí của Phan Huy Chú.

Trong Quan-chức chí của Phan Huy Chú, chúng ta còn có thể tìm thấy lời giải thích về các viện như Hàn-lâm viện, Tôn-nhân phủ, Quốc-tử-giám, các chức vụ mà chúng ta về sau hay nghe nói đến như tri phủ, tri huyện, tri châu, xã quan, xã trưởng, v.v...

Chúng tôi xin nói đến Hàn-lâm viện.

Hàn-lâm viện đặt ra từ đời Lý, có chức Hàn-lâm học-sĩ. Đời Trần đặt chức Hàn-lâm phụng-chỉ, chức vụ rất được trọng, triều đình dùng người có chức vụ này làm thái-sur.

Công việc của Hàn-lâm phụng-chỉ là soạn đặt tờ chiếu thay vua. (Tờ chiếu ở đây là mệnh lệnh của vua ban chứ không phải có nghĩa là đồ dùng để nằm.)

Trải qua các triều, những người lên chức Hàn-lâm phụng-chỉ đều là nhà nho nổi tiếng về văn học như Nguyễn Trung Ngạn, Trương Hán Siêu, Lê Quát, Hồ Tông Thốc.

Nhà Lê có Nguyễn Trãi làm chức Hàn-lâm phụng-chỉ, giữ việc soạn các bài chế cáo cho vua Lê Thái-tổ.

Tôn-nhân phủ - chúng ta thường nghe nói đến Tôn-nhân phủ triều Nguyễn, mà ít biết rằng Tôn-nhân phủ có từ đời Trần. Chúng ta cũng còn nhớ đời Trần tin dùng người trong họ Trần nhiều hơn là người ngoài. Nếu nói theo danh từ đời nay thì đời Trần có tính cách *gia đình trị*. Những vị tướng và công thần nổi danh đời Trần đều là những người trong họ nhà vua như Trần Thủ Độ, Trần Hưng-Đạo, Trần Nhật Duật, v.v... Chế độ *gia đình trị* đời Trần lại giúp cho sự thành công của nhà Trần, tổ chức xã hội chặt chẽ và chống lại sự xâm lăng của quân Mông-cổ. Đời Trần dùng người có chức vụ cao trong tôn thất vào chức đại-tôn chính, giữ việc soạn gia phả nhà vua, rất được trọng vọng.

Trong mục Quan-chức chí, chúng tôi thấy có kể tên các cơ quan làm việc trong triều đình. Thí dụ, nói về Lục bộ, thì đời Lê lúc đầu chỉ mới có 2 bộ là bộ Lại và bộ Lễ, sau đến vua Lê Thánh-tông mới đặt ra 6 bộ. Chúng ta hay nghe nói đến Lục bộ mà không rõ đó là những bộ gì.

Để giúp việc hành chánh, các triều đình đặt ra sáu bộ ba ty.

Lục bộ - là sáu bộ gồm có : Bộ Lại, Bộ Hộ, Bộ Lễ, Bộ Binh, Bộ Hình, Bộ Công.

Bộ Lại giữ công việc quan tước, chọn bổ, xét hạch, thăng giáng, bổ khuyết, cấp bổng lộc.

Bộ Hộ giữ công việc ruộng đất, nhân dân, kho tàng, lương tiền, thu phát và các việc về ruộng lộc, thuế má, muối, sắt.

Bộ Lễ giữ công việc lễ nghi, tứ tự, lễ mừng, yến tiệc, việc học, việc thi cử, các chi tiết về áo mũ, ấn dấu, chương tấu, bài biểu, việc đi cống, đi sứ, vào châu. Lại kiêm thêm việc về thiên văn, y, bốc, tãng, đạo, giáo phường, đồng văn, nhã nhạc.

Bộ Binh giữ công việc binh nhung, cấm vệ, xe ngựa, phi trượng, khí giới và các việc về dân biên giới, quân trấn giữ, các dịch trạm, các dân man di hiểm hại, những việc khẩn cấp.

Bộ Hình giữ công việc luật lệnh, hình pháp, xét lại ngục tụng, xử tội về năm hình luật.

Bộ Công giữ công việc thành trì, cầu cống, đường sá, xây đắp, thợ thuyền, sửa chữa xây dựng, cấm đoán về núi rừng, vườn tược, sông đầm.

Ba ty là Ty Đô tổng binh sứ, Thừa chính sứ, Hiến sát sứ.

Ty Đô tổng binh sứ coi toàn binh ở ngoài biên, chống giữ nơi xung yếu, bắt và trị giặc cướp.

Ty Thừa chính sứ giữ công việc quân dân, kiện tụng, hộ khẩu ở một phương.

Ty Hiến sát sứ chuyên các việc tâu bày, thăm dò, khám xét, tra hỏi, kiểm nghiệm, tuần hành trong hạt.

Năm 1751, đặt ra sáu khoa để tra xét những việc trái phép của sáu bộ, và định lại rõ ràng chức vụ của các quan.

Chúng tôi mới lược sơ qua một vài đề mục trong phần Quan-chức chí.

Để kết luận, chúng tôi xin tóm tắt sự ích lợi của bộ *Lịch-triều Hiến-chương Loại-chí* như sau:

Khi đọc sách sử hay sách văn học sử, người đọc sách gặp một tước hiệu mà không hiểu là chức vụ gì, có thể tra trong mục Quan-chức chí của *Lịch-triều Hiến-chương Loại-chí* để tìm ra chức vụ.

Cũng như thế, chúng ta có thể tìm ra những địa danh với cổ tích trong mục Địa-dư chí, và biết về các danh nhân lịch sử Việt-Nam với mục Nhân-vật chí.

Đoạn-trường Tân-thanh, hay còn gọi nôm na là Truyện Thúy-Kiều, ra đời cùng thời với tác phẩm *Lịch-triều Hiến-chương Loại-chí*, nhưng *Đoạn-trường Tân-thanh* thì được các nhà nho đương thời truyền tay nhau đọc, rất thích thú. Đến ngày nay, chúng ta đọc Truyện Kiều vẫn lấy làm thú vị.

Trái lại, tác phẩm *Lịch-triều Hiến-chương Loại-chí* tuy được vua Thánh-tổ thưởng tác giả 30 lạng bạc cho công biên khảo trong 10 năm để hoàn thành bộ sách, nhưng sách ít được ai để ý đến.

Một nhà văn tiền chiến Việt-Nam – Hoài Thanh – đã có ý kiến rằng : “Tôi vẫn biết tiểu-thuyết và thi ca - những tiểu-thuyết và thi ca có giá trị - là quan hệ. Nhưng vận-mệnh một dân-tộc không phải chỉ ở trong mấy quyển truyện và mấy bài thơ. Ta phải có những người chuyên tâm nghiên-cứu về tất cả các vấn-đề quan-hệ đến tương-lai, hiện-tại và quá-khứ của dân-tộc.”

Bộ *Lịch-triều Hiến-chương Loại-chí* của tác giả Phan Huy Chú chứa đầy những chứng tích văn hóa của nước Việt-Nam cổ, trong đó có những vị tiền bối có công gầy dựng nên nước Việt, có những người làm quan đóng góp cho sự tồn tại của đất nước, có những chế độ đem lại kỷ cương cho xã hội Việt, có những danh lam thắng tích đã làm đẹp và phong phú đời sống người dân Việt.

Bộ sách *Lịch-triều Hiến-chương Loại-chí* của Phan Huy Chú là cây cầu nối chúng ta ngày nay với tiền nhân đời xưa, là một di sản văn hóa rất đáng được trân quý.

Ngô Thị Quý Linh
Tháng Ba năm 2012

Nếu có trích dẫn hay trích dịch, xin ghi tên tác giả và xuất xứ.